

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5670/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố (Đợt 2)****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;**Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;**Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;**Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố tại Tờ trình số 150/TTr-TTPVHCC ngày 12 tháng 11 năm 2025.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Danh mục **1.038** thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, trong đó: **789** TTHC cấp tỉnh; **249** TTHC cấp xã.*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

Danh mục TTHC này không loại trừ các TTHC khác có thể được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định của pháp luật và điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu dùng chung, định danh điện tử và khả năng liên thông hệ thống giải quyết TTHC.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:**1.** Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:

a) Tổ chức tiếp nhận, trả kết quả thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại các Chi nhánh đối với Danh mục TTHC được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Ban hành Kế hoạch triển khai việc thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính, kèm theo quy trình, hướng dẫn cụ thể để các Chi nhánh và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phối hợp triển khai hiệu quả.

c) Tiếp tục rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh mục thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các TTHC đủ điều kiện còn lại.

d) Truyền thông, tuyên truyền trên toàn địa bàn Thành phố qua các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội, màn hình số và các kênh khác, làm rõ lợi ích, cách thức thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính để người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện.

e) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Giao Sở, ban, ngành Thành phố căn cứ lĩnh vực, phạm vi quản lý, giải quyết TTHC chủ trì thực hiện:

a) Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố trong việc rà soát Danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính; đề xuất các phương án giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

b) Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Rà soát, cập nhật quy trình nội bộ giải quyết TTHC phù hợp với việc thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

3. Trường hợp cá nhân, tổ chức gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC hoặc cản trở trong quá trình phối hợp tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì người đứng đầu đơn vị xem xét trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Việt Dũng

Phụ lục 01

**DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (04 TTHC)					
1.	1.	2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Tỉnh
2.	2.	2.002808	Phê duyệt liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Tỉnh
3.	3.	2.002809	Gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Tỉnh
4.	4.	2.002810	Chấm dứt liên kết giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Tỉnh
TƯ PHÁP (15 TTHC)					
5.	1.	1.013859	Cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng	Cấp Tỉnh
6.	2.	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
7.	3.	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Cấp Tỉnh
8.	4.	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại	Cấp Tỉnh
9.	5.	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Cấp Tỉnh
10.	6.	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Cấp Tỉnh
11.	7.	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Cấp Tỉnh
12.	8.	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Cấp Tỉnh
13.	9.	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Cấp Tỉnh
14.	10.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	Cấp Tỉnh
15.	11.	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Cấp Tỉnh
16.	12.	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
17.	13.	1.011443	Xoá đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Cấp Tỉnh
18.	14.	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Cấp Tỉnh
19.	15.	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Cấp Tỉnh
VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (02 TTHC)					
20.	1.	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	Cấp Tỉnh
21.	2.	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	Cấp Tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	
		KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (10 TTHC)			
22.	1.	1.014204	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Cấp Tỉnh
23.	2.	1.014206	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp Tỉnh
24.	3.	1.014205	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp Tỉnh
25.	4.	1.014207	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	An toàn bức xạ và hạt nhân	Cấp Tỉnh
26.	5.	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
27.	6.	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
28.	7.	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
29.	8.	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
30.	9.	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
31.	10.	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
XÂY DỰNG (68 TTHC)					
32.	1.	2.002288	Cấp, cấp lại phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ	Cấp Tỉnh
33.	2.	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	Đường bộ	Cấp Tỉnh
34.	3.	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	Đường sắt	Cấp Tỉnh
35.	4.	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
36.	5.	<u>1.004259</u>	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
37.	6.	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
38.	7.	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	Kinh doanh bất động sản	Cấp Tỉnh
39.	8.	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại chứng chỉ do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Kinh doanh bất động sản	Cấp Tỉnh
40.	9.	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. (Trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc sắp hết hạn)	Kinh doanh bất động sản	Cấp Tỉnh
41.	10.	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc hoặc một phần dự án bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Cấp Tỉnh
42.	11.	1.013769	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Nhà ở	Cấp Tỉnh
43.	12.	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	Quản lý chất lượng công trình	Cấp Tỉnh
44.	13.	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình	Cấp Tỉnh
45.	14.	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
46.	15.	1.013223	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
47.	16.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
48.	17.	1.013234	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
49.	18.	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
50.	19.	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
51.	20.	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
52.	21.	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
53.	22.	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
54.	23.	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
55.	24.	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
56.	25.	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
57.	26.	1.005126	Quy trình Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	Cấp Tỉnh
58.	27.	1.000294	Quy trình Bãi bỏ đường ngang	Đường sắt	Cấp Tỉnh
59.	28.	1.005058	Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	Cấp Tỉnh
60.	29.	1.004685	Quy trình Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
61.	30.	1.004681	Quy trình Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Cấp Tỉnh
62.	31.	1.004691	Quy trình Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Cấp Tỉnh
63.	32.	1.010000	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Cấp Tỉnh
64.	33.	1.004844	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Cấp Tỉnh
65.	34.	1.005075	Quy trình Thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Cấp Tỉnh
66.	35.	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Cấp Tỉnh
67.	36.	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Cấp Tỉnh
68.	37.	3.000506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở	Cấp Tỉnh
69.	38.	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
70.	39.	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.	Nhà ở	Cấp Tỉnh
71.	40.	3.000161	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.	Dịch vụ tài chính	Cấp Tỉnh
72.	41.	1.011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Quản lý tài sản công	Cấp Tỉnh
73.	42.	1.011729	Xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22.	Chính sách thuế	Cấp Tỉnh
74.	43.	1.013277	Chấp thuận đấu nối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ	Cấp Tỉnh
75.	44.	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	Đường bộ	Cấp Tỉnh
76.	45.	1.013220	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
77.	46.	1.013220	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh
78.	47.	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
79.	48.	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ	Cấp Tỉnh
80.	49.	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD	Đường bộ	Cấp Tỉnh
81.	50.	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Cấp Tỉnh
82.	51.	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Cấp Tỉnh
83.	52.	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	Cấp Tỉnh
84.	53.	1.001717	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	Cấp Tỉnh
85.	54.	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
86.	55.	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
87.	56.	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
88.	57.	1.000892	Phê duyệt phương án dỡ tàu biển	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
89.	58.	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
90.	59.	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
91.	60.	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
92.	61.	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
93.	62.	1.001870	Đổi tên cảng cạn	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
94.	63.	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Cấp Tỉnh
95.	64.	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Cấp Tỉnh
96.	65.	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Đường bộ	Cấp Tỉnh
97.	66.	2.002001	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
98.	67.	2.001998	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
99.	68.	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh
Y TẾ (03 TTHC)					
100.	1.	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	Dược phẩm	Cấp Tỉnh
101.	2.	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
102.	3.	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	Mỹ phẩm	Cấp tỉnh
NỘI VỤ (34 TTHC)					
103.	1.	1.011547	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	Việc làm	Cấp Tỉnh
104.	2.	1.011546	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Việc làm	Cấp Tỉnh
105.	3.	1.014326	Liên thông chuyên nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đi - Chuyển đến) (Trung tâm Dữ liệu Quốc gia)	Việc làm	Cấp Tỉnh
106.	4.	1.014321	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng (Trung tâm Dữ liệu Quốc gia)	Việc làm	Cấp Tỉnh
107.	5.	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh
108.	6.	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh
109.	7.	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh
110.	8.	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh
111.	9.	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
112.	10.	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh
113.	11.	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
114.	12.	2.000888	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
115.	13.	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
116.	14.	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
117.	15.	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
118.	16.	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
119.	17.	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
120.	18.	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
121.	19.	1.014111	Thi tuyển công chức	Công chức, viên chức	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
122.	20.	1.014116	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công chức, viên chức	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
123.	21.	1.014113	Xét tuyển công chức	Công chức, viên chức	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
124.	22.	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (Cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
125.	23.	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	Người có công	Cấp Tỉnh
126.	24.	1.010790	Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Người có công	Cấp Tỉnh
127.	25.	1.010792	Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Người có công	Cấp Tỉnh
128.	26.	1.010785	Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công	Cấp Tỉnh
129.	27.	1.010773	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	Người có công	Cấp Xã
130.	28.	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
131.	29.	1.013743	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	Người có công	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
132.	30.	1.014359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Người có công	Cấp Tỉnh; Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
133.	31.	2.002342	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	An toàn, vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh
134.	32.	2.002340	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	An toàn, vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh
135.	33.	1.005451	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C	An toàn, vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
136.	34.	1.005448	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C	An toàn, vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh
			DÂN TỘC-TÔN GIÁO (01 TTHC)		
137.	1.	1.012605	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp Tỉnh
			QUY HOẠCH-KIẾN TRÚC (11) TTHC		
138.	1.	1.008891	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh
139.	2.	1.008989	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh
140.	3.	1.008990	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh
141.	4.	1.008991	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
142.	5.	1.008992	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh
143.	6.	1.008993	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh
144.	7.	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
145.	8.	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
146.	9.	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
147.	10.	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
148.	11.	1.014159	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
TÀI CHÍNH (92)					
149.	1.	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
150.	2.	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
151.	3.	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
152.	4.	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
153.	5.	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
154.	6.	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
155.	7.	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
156.	8.	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
157.	9.	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
158.	10.	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
159.	11.	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
160.	12.	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
161.	13.	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
162.	14.	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
163.	15.	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
164.	16.	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
165.	17.	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
166.	18.	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
167.	19.	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
168.	20.	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
169.	21.	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
170.	22.	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
171.	23.	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
172.	24.	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
173.	25.	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
174.	26.	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
175.	27.	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
176.	28.	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
177.	29.	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
178.	30.	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
179.	31.	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
180.	32.	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
181.	33.	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
182.	34.	2.002023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
183.	35.	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
184.	36.	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
185.	37.	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
186.	38.	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
187.	39.	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
188.	40.	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
189.	41.	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyên sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
190.	42.	1.005169	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
191.	43.	2.002008	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh
192.	44.	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Cấp Tỉnh
193.	45.	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Cấp Tỉnh
194.	46.	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Cấp Tỉnh
195.	47.	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Cấp Tỉnh
196.	48.	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Cấp Tỉnh
197.	49.	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Cấp Tỉnh
198.	50.	2.002004	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
199.	51.	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
200.	52.	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
201.	53.	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
202.	54.	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
203.	55.	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
204.	56.	1.009649	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
205.	57.	1.009650	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
206.	58.	1.009652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
207.	59.	1.009653	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
208.	60.	1.009654	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
209.	61.	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
210.	62.	1.009656	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
211.	63.	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
212.	64.	1.009661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
213.	65.	1.009662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
214.	66.	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
215.	67.	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
216.	68.	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
217.	69.	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
218.	70.	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
219.	71.	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	Cấp Tỉnh
220.	72.	2.002058	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại	Cấp Tỉnh
221.	73.	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	Cấp Tỉnh
222.	74.	2.002666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH Một thành viên	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	Cấp Tỉnh
223.	75.	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	Cấp Tỉnh
224.	76.	1.002395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	Cấp Tỉnh
225.	77.	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
226.	78.	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh
227.	79.	1.009493	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh
228.	80.	1.009494	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh
229.	81.	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất.	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh
230.	82.	1.012507	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh
231.	83.	1.012508	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh
232.	84.	1.012509	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh
233.	85.	1.012510	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	Cấp Tỉnh/Xã
234.	86.	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quản lý công sản	Cấp Tỉnh
235.	87.	1.012735	Hiệp thương giá	Quản lý giá	Cấp Tỉnh
236.	88.	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quản lý giá	Cấp Tỉnh
237.	89.	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
238.	90.	2.002206	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Công nghệ thông tin	Cấp Tỉnh
239.	91.	1.014316	Hỗ trợ chi phí (đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao)	Hỗ trợ đầu tư	Cấp Tỉnh
240.	92.	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Quản lý công sản	Cấp Tỉnh/Xã
CÔNG THƯƠNG (294)					
241.	1.	1.013398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp Tỉnh
242.	2.	1.013399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp Tỉnh
243.	3.	1.013400	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp Tỉnh
244.	4.	2.001322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp Tỉnh
245.	5.	2.001292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp Tỉnh
246.	6.	2.001300	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
247.	7.	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho nhà nước theo quy định của pháp luật	Quản lý công sản	Cấp Tỉnh
248.	8.	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quản lý công sản	Cấp Tỉnh
249.	9.	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Công nghiệp nặng	Cấp Tỉnh
250.	10.	2.000331	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Công Thương địa phương	Cấp Tỉnh
251.	11.	1.013652	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Khoáng sản	Cấp Tỉnh
252.	12.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Cấp Tỉnh
253.	13.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Cấp Tỉnh
254.	14.	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Cấp Tỉnh
255.	15.	1.000477	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
256.	16.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
257.	17.	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
258.	18.	1.001419	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
259.	19.	1.000350	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
260.	20.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
261.	21.	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
262.	22.	1.001062	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
263.	23.	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
264.	24.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
265.	25.	1.000890	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
266.	26.	1.004155	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
267.	27.	1.004181	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
268.	28.	2.001758	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
269.	29.	1.000551	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
270.	30.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
271.	31.	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
272.	32.	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
273.	33.	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
274.	34.	1.004191	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
275.	35.	1.000421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
276.	36.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp Tỉnh
277.	37.	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
278.	38.	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Cấp Tỉnh
279.	39.	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp Tỉnh
280.	40.	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp Tỉnh
281.	41.	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp Tỉnh
282.	42.	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp Tỉnh
283.	43.	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Cấp Tỉnh
284.	44.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
285.	45.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
286.	46.	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
287.	47.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
288.	48.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
289.	49.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
290.	50.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
291.	51.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
292.	52.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
293.	53.	1.001335	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Tỉnh
294.	54.	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu.	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
295.	55.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu.	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
296.	56.	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu.	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
297.	57.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
298.	58.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
299.	59.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
300.	60.	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
301.	61.	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
302.	62.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
303.	63.	1.003390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Cấp Tỉnh
304.	64.	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Cấp Tỉnh
305.	65.	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Cấp Tỉnh
306.	66.	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Cấp Tỉnh
307.	67.	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Cấp Tỉnh
308.	68.	1.000799	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Cấp Tỉnh
309.	69.	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
310.	70.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
311.	71.	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại/Dịch vụ Thương mại	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
312.	72.	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại/Dịch vụ Thương mại	Cấp Tỉnh
313.	73.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
314.	74.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
315.	75.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
316.	76.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
317.	77.	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
318.	78.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
319.	79.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
320.	80.	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
321.	81.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
322.	82.	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
323.	83.	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
324.	84.	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
325.	85.	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
326.	86.	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
327.	87.	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
328.	88.	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
329.	89.	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
330.	90.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
331.	91.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
332.	92.	2.001682	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
333.	93.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
334.	94.	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
335.	95.	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
336.	96.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
337.	97.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh
338.	98.	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Cấp Tỉnh
339.	99.	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Cấp Tỉnh
340.	100.	2.001585	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Cấp Tỉnh
341.	101.	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
342.	102.	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
343.	103.	1.004031	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
344.	104.	2.000431	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Cấp Tỉnh
345.	105.	1.012429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Cấp Tỉnh
346.	106.	1.012430	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Cấp Tỉnh
347.	107.	1.012431	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Cấp Tỉnh
348.	108.	2.000257	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
349.	109.	1.012432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
350.	110.	1.012433	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
351.	111.	1.012434	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
352.	112.	1.012438	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
353.	113.	1.012439	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
354.	114.	1.012440	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
355.	115.	1.012441	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
356.	116.	1.012442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
357.	117.	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất	Cấp Tỉnh
358.	118.	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
359.	119.	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
360.	120.	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
361.	121.	2.001547	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
362.	122.	2.001175	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
363.	123.	2.001172	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
364.	124.	1.002758	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
365.	125.	2.001161	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
366.	126.	2.000652	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	Cấp Tỉnh
367.	127.	1.000862	Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Dầu khí	Cấp Tỉnh
368.	128.	1.013989	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp Tỉnh
369.	129.	1.013990	Cấp lại quyết định chỉ định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp Tỉnh
370.	130.	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp Tỉnh
371.	131.	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
372.	132.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp Tỉnh
373.	133.	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Cấp Tỉnh
374.	134.	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
375.	135.	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
376.	136.	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
377.	137.	1.000878	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
378.	138.	2.000401	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
379.	139.	2.000251	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
380.	140.	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
381.	141.	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh
382.	142.	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
383.	143.	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
384.	144.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
385.	145.	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
386.	146.	1.000998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
387.	147.	1.000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
388.	148.	2.000229	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
389.	149.	2.000210	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
390.	150.	2.100014	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn Vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
391.	151.	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn Vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh
392.	152.	1.013411	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	Cấp Tỉnh
393.	153.	1.013412	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điện lực	Cấp Tỉnh
394.	154.	1.013416	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	Cấp Tỉnh
395.	155.	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	Cấp Tỉnh
396.	156.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện lực	Cấp Tỉnh
397.	157.	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	Cấp Tỉnh
398.	158.	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	Cấp Tỉnh
399.	159.	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	Cấp Tỉnh
400.	160.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện lực	Cấp Tỉnh
401.	161.	1.013394	Phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
402.	162.	1.013395	Điều chỉnh Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực	Cấp Tỉnh
403.	163.	1.000400	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
404.	164.	1.014119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
405.	165.	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu D	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
406.	166.	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu E	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
407.	167.	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AK	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
408.	168.	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AJ	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
409.	169.	2.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AI	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
410.	170.	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
411.	171.	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu S	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
412.	172.	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu X	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
413.	173.	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VJ	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
414.	174.	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VC	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
415.	175.	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VK	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
416.	176.	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu EAV	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
417.	177.	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
418.	178.	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu B	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
419.	179.	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
420.	180.	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
421.	181.	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu Peru	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
422.	182.	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
423.	183.	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu Venezuela	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
424.	184.	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
425.	185.	1.001370	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
426.	186.	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cấp sau	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
427.	187.	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
428.	188.	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
429.	189.	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu CPTPP	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
430.	190.	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AHK	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
431.	191.	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VN-CU	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
432.	192.	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu EUR.1	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
433.	193.	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
434.	194.	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu RCEP	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
435.	195.	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
436.	196.	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu GSTP	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
437.	197.	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu BR9	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
438.	198.	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
439.	199.	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Cấp Tỉnh
440.	200.	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
441.	201.	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
442.	202.	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
443.	203.	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
444.	204.	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
445.	205.	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
446.	206.	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
447.	207.	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
448.	208.	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
449.	209.	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
450.	210.	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
451.	211.	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh Khí	Cấp Tỉnh
452.	212.	2000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
453.	213.	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
454.	214.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
455.	215.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
456.	216.	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
457.	217.	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
458.	218.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
459.	219.	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
460.	220.	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
461.	221.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
462.	222.	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
463.	223.	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
464.	224.	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
465.	225.	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
466.	226.	2.001646	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp quy mô dưới 3 triệu lít/năm	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
467.	227.	200163	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp quy mô dưới 3 triệu lít/năm	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
468.	228.	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp quy mô dưới 3 triệu lít/năm	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
469.	229.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
470.	230.	2.002605	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
471.	231.	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
472.	232.	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
473.	233.	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
474.	234.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
475.	235.	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
476.	236.	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
477.	237.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
478.	238.	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
479.	239.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
480.	240.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
481.	241.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
482.	242.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
483.	243.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
484.	244.	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
485.	245.	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
486.	246.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
487.	247.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
488.	248.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
489.	249.	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Thương mại Quốc tế	Cấp Tỉnh
490.	250.	2000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
491.	251.	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
492.	252.	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
493.	253.	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
494.	254.	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
495.	255.	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
496.	256.	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
497.	257.	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
498.	258.	2.000314	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp Giấy phép	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
499.	259.	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Quản lý cạnh tranh/ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp Tỉnh
500.	260.	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý cạnh tranh/ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp Tỉnh
501.	261.	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý cạnh tranh/ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp Tỉnh
502.	262.	2.000619	Thông báo Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý cạnh tranh/ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cấp Tỉnh
503.	263.	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	Cấp Tỉnh
504.	264.	1.013004	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	Cấp Tỉnh
505.	265.	2.00267	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	Cấp Tỉnh
506.	266.	2.001434	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
507.	267.	2.001433	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
508.	268.	1.003401	Thu hồi Giấy phép, Giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
509.	269.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
510.	270.	2.001433	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
511.	271.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ	Cấp Tỉnh
512.	272.	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
513.	273.	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
514.	274.	2000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
515.	275.	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
516.	276.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
517.	277.	2.000376	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
518.	278.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
519.	279.	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
520.	280.	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
521.	281.	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
522.	282.	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
523.	283.	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	Cấp Tỉnh
524.	284.	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
525.	285.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
526.	286.	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
527.	287.	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
528.	288.	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
529.	289.	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Tỉnh
530.	290.	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (trên địa bàn thành phố Hà Nội)	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
531.	291.	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (trên địa bàn thành phố Hà Nội)	Xúc tiến thương mại	Cấp Tỉnh
532.	292.	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý cạnh tranh	Cấp Tỉnh
533.	293.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	Cấp Tỉnh/Xã
534.	294.	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp Tỉnh/Xã
NÔNG NGHIỆP – MÔI TRƯỜNG (255)					
535.	1.	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp Tỉnh
536.	2.	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp Tỉnh
537.	3.	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp Tỉnh
538.	4.	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp Tỉnh
539.	5.	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
540.	6.	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp Tỉnh
541.	7.	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp Tỉnh
542.	8.	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
543.	9.	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
544.	10.	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
545.	11.	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
546.	12.	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
547.	13.	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
548.	14.	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
549.	15.	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
550.	16.	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
551.	17.	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
552.	18.	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Cấp Xã
553.	19.	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi	Cấp Xã
554.	20.	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
555.	21.	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
556.	22.	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
557.	23.	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
558.	24.	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
559.	25.	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh
560.	26.	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Chăn nuôi	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
561.	27.	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	Cấp Tỉnh
562.	28.	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất; không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	Cấp Tỉnh
563.	29.	1.013946	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	Cấp Tỉnh
564.	30.	1.013945	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai	Cấp Tỉnh
565.	31.	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Đất đai	Cấp Tỉnh
566.	32.	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa.	Đất đai	Cấp Tỉnh
567.	33.	1.013826	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
568.	34.	2.002750	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Đất đai	Cấp Tỉnh
569.	35.	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Đất đai	Cấp Tỉnh
570.	36.	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai	Cấp Tỉnh
571.	37.	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
572.	38.	1.014292	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
573.	39.	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
574.	40.	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
575.	41.	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
576.	42.	1.014288	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
577.	43.	1.014287	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
578.	44.	1.014286	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
579.	45.	1.014285	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
580.	46.	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
581.	47.	1.014283	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
582.	48.	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
583.	49.	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
584.	50.	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
585.	51.	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
586.	52.	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
587.	53.	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
588.	54.	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
589.	55.	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
590.	56.	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
591.	57.	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
592.	58.	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
593.	59.	1.014270	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
594.	60.	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
595.	61.	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
596.	62.	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
597.	63.	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
598.	64.	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
599.	65.	1.014271	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
600.	66.	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
601.	67.	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
602.	68.	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
603.	69.	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
604.	70.	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
605.	71.	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Tỉnh
606.	72.	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cấp Tỉnh
607.	73.	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cấp Tỉnh
608.	74.	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Khoa học và Công nghệ	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
609.	75.	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Khoa học và Công nghệ	Cấp Tỉnh
610.	76.	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn	Cấp Tỉnh
611.	77.	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn	Cấp Tỉnh
612.	78.	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Cấp Tỉnh
613.	79.	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Cấp Tỉnh
614.	80.	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Cấp Tỉnh
615.	81.	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
616.	82.	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
617.	83.	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
618.	84.	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
619.	85.	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
620.	86.	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
621.	87.	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
622.	88.	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
623.	89.	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
624.	90.	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
625.	91.	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
626.	92.	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm	Cấp Tỉnh
627.	93.	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp Tỉnh
628.	94.	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp Tỉnh
629.	95.	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
630.	96.	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp Tỉnh
631.	97.	1.003695	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp Tỉnh
632.	98.	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp Tỉnh
633.	99.	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
634.	100.	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
635.	101.	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
636.	102.	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
637.	103.	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
638.	104.	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
639.	105.	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
640.	106.	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
641.	107.	1.007916	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
642.	108.	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
643.	109.	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
644.	110.	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
645.	111.	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
646.	112.	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp Tỉnh
647.	113.	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh) (1.010735)	Môi trường	Cấp Tỉnh
648.	114.	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010730)	Môi trường	Cấp Tỉnh
649.	115.	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729)	Môi trường	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
650.	116.	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010728)	Môi trường	Cấp Tỉnh
651.	117.	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733)	Môi trường	Cấp Tỉnh
652.	118.	1.010727	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727)	Môi trường	Cấp Tỉnh
653.	119.	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Cấp Tỉnh
654.	120.	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Cấp Tỉnh
655.	121.	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp Tỉnh
656.	122.	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp Tỉnh
657.	123.	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp Tỉnh
658.	124.	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp Tỉnh
659.	125.	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
660.	126.	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh
661.	127.	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh
662.	128.	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh
663.	129.	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh
664.	130.	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh
665.	131.	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh
666.	132.	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp Tỉnh; Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
667.	133.	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác
668.	134.	1.013799	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
669.	135.	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
670.	136.	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
671.	137.	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
672.	138.	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
673.	139.	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
674.	140.	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
675.	141.	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành .	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
676.	142.	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
677.	143.	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
678.	144.	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
679.	145.	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
680.	146.	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
681.	147.	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
682.	148.	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
683.	149.	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
684.	150.	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
685.	151.	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
686.	152.	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
687.	153.	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
688.	154.	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
689.	155.	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
690.	156.	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
691.	157.	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp Tỉnh
692.	158.	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Thú y	Cấp Tỉnh
693.	159.	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y	Cấp Tỉnh
694.	160.	1.013811	Cấp, cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Thú y	Cấp Tỉnh
695.	161.	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp Tỉnh
696.	162.	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp Tỉnh
697.	163.	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Thú y	Cấp Tỉnh
698.	164.	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp Tỉnh
699.	165.	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
700.	166.	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Cấp Tỉnh
701.	167.	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Cấp Tỉnh
702.	168.	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y	Cấp Tỉnh
703.	169.	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y	Cấp Tỉnh
704.	170.	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y	Cấp Tỉnh
705.	171.	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y	Cấp Tỉnh
706.	172.	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	Cấp Tỉnh
707.	173.	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Thú y	Cấp Tỉnh
708.	174.	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	Thú y	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
709.	175.	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	Cấp Tỉnh
710.	176.	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	Cấp Tỉnh
711.	177.	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Cấp Tỉnh
712.	178.	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Cấp Tỉnh
713.	179.	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
714.	180.	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
715.	181.	1.003211	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
716.	182.	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
717.	183.	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thủy lợi	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
718.	184.	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
719.	185.	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
720.	186.	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
721.	187.	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
722.	188.	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
723.	189.	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
724.	190.	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
725.	191.	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
726.	192.	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
727.	193.	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
728.	194.	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
729.	195.	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
730.	196.	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh
731.	197.	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
732.	198.	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản	Cấp Tỉnh
733.	199.	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản	Cấp Tỉnh
734.	200.	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Cấp Tỉnh
735.	201.	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Cấp Tỉnh
736.	202.	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	Cấp Tỉnh
737.	203.	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Cấp Tỉnh
738.	204.	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Cấp Tỉnh
739.	205.	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	Cấp Tỉnh
740.	206.	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Cấp Tỉnh
741.	207.	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
742.	208.	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản	Cấp Tỉnh
743.	209.	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản	Cấp Tỉnh
744.	210.	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Cấp Tỉnh
745.	211.	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản	Cấp Tỉnh
746.	212.	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản	Cấp Tỉnh
747.	213.	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản	Cấp Tỉnh
748.	214.	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản	Cấp Tỉnh
749.	215.	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	Cấp Tỉnh
750.	216.	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
751.	217.	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Cấp Tỉnh
752.	218.	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Tổng hợp	Cấp Tỉnh
753.	219.	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
754.	220.	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
755.	221.	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
756.	222.	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
757.	223.	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
758.	224.	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	Trồng trọt	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
759.	225.	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
760.	226.	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
761.	227.	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
762.	228.	1.012062	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
763.	229.	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
764.	230.	1.012070	Chuyên giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
765.	231.	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
766.	232.	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
767.	233.	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
768.	234.	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
769.	235.	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
770.	236.	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
771.	237.	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
772.	238.	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
773.	239.	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	Cấp Tỉnh
774.	240.	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
775.	241.	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
776.	242.	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
777.	243.	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
778.	244.	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
779.	245.	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
780.	246.	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
781.	247.	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
782.	248.	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
783.	249.	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
784.	250.	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
785.	251.	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
786.	252.	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
787.	253.	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
788.	254.	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh
789.	255.	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp Tỉnh

Phụ lục II

**DANH MỤC TTHC CẤP XÃ THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số 5670/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (37 TTHC)				
1.	1.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non Cấp Xã
2.	2.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non Cấp Xã
3.	3.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non Cấp Xã
4.	4.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non Cấp Xã
5.	5.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non Cấp Xã
6.	6.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học Cấp Xã
7.	7.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học Cấp Xã
8.	8.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học Cấp Xã
9.	9.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
10.	10.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học	Cấp Xã
11.	11.	1.005099	Chuyên trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học	Cấp Xã
12.	12.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp Xã
13.	13.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	Cấp Xã
14.	14.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	Cấp Xã
15.	15.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp Xã
16.	16.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học	Cấp Xã
17.	17.	2.002481	Chuyên trường đối với học sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Cấp Xã
18.	18.	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học	Cấp Xã
19.	19.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cấp đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp Xã
20.	20.	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
21.	21.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	Cấp Xã
22.	22.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Cấp Xã
23.	23.	3.000307	Sáp nhập, chia tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	Cấp Xã
24.	24.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	Cấp Xã
25.	25.	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Xã
26.	26.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Xã
27.	27.	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Xã
28.	28.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Xã
29.	29.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Cơ sở giáo dục khác	Cấp Xã
30.	30.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Cơ sở giáo dục khác	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
31.	31.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cơ sở giáo dục khác	Cấp Xã
32.	32.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Cơ sở giáo dục khác	Cấp Xã
33.	33.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cơ sở giáo dục khác	Cấp Xã
34.	34.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cơ sở giáo dục khác	Cấp Xã
35.	35.	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ học phí, hỗ trợ gạo	Cơ sở giáo dục khác	Cấp Xã
36.	36.	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ	Cấp Xã
37.	37.	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ	Cấp Xã
TƯ PHÁP (27 TTHC)					
38.	1.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Cấp Xã
39.	2.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp Xã
40.	3.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Cấp Xã
41.	4.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	Cấp Xã
42.	5.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp Xã
43.	6.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	Cấp Xã
44.	7.	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Cấp Xã
45.	8.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	Cấp Xã
46.	9.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	Cấp Xã
47.	10.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
48.	11.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	Cấp Xã
49.	12.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Cấp Xã
50.	13.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Chứng thực	Cấp Xã
51.	14.	2.001019	Chứng thực Di chúc	Chứng thực	Cấp Xã
52.	15.	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	Cấp Xã
53.	16.	2.001406	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	Cấp Xã
54.	17.	2.001009	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Chứng thực	Cấp Xã
55.	18.	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	Cấp Xã
56.	19.	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	Cấp Xã
57.	20.	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	Cấp Xã
58.	21.	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực	Cấp Xã
59.	22.	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực	Cấp Xã
60.	23.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	Cấp Xã
61.	24.	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	Cấp Xã
62.	25.	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường nhà nước	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
63.	26.	2.002621	Liên thông Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ	Cấp Xã
64.	27.	2.002622	Liên thông Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công	Cấp Xã
XÂY DỰNG (37 TTHC)					
65.	1.	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
66.	2.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
67.	3.	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
68.	4.	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
69.	5.	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
70.	6.	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
71.	7.	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
72.	8.	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
73.	9.	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
74.	10.	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
75.	11.	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở	Cấp xã
76.	12.	1.013223	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
77.	13.	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
78.	14.	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
79.	15.	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
80.	16.	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
81.	17.	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	Cấp xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
82.	18.	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
83.	19.	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
84.	20.	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	Cấp xã
85.	21.	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Cấp xã
86.	22.	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	Cấp xã
87.	23.	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	Cấp xã
88.	24.	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Cấp xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
89.	25.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Cấp xã
90.	26.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Cấp xã
91.	27.	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở liên quan đến sắp xếp tổ chức, bộ máy thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp	Cấp xã
92.	28.	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
93.	29.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
94.	30.	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
95.	31.	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
96.	32.	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
97.	33.	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
98.	34.	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
99.	35.	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
100.	36.	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
101.	37.	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Cấp xã
VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (31 TTHC)					
102.	1.	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	Cấp Xã
103.	2.	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	Cấp Xã
104.	3.	1.013793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp Xã
105.	4.	1.013794	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp Xã
106.	5.	1.013795	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp Xã
107.	6.	1.013792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cấp Xã
108.	7.	1.013791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa	Cấp Xã
109.	8.	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	
110.	9.	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã
111.	10.	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình	Cấp Xã
112.	11.	1.012084	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình	Cấp Xã
113.	12.	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục thể thao	Cấp Xã
114.	13.	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục thể thao	Cấp Xã
115.	14.	2.000794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao	Cấp Xã
116.	15.	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa	Cấp Xã
117.	16.	1.000814	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Thể dục thể	Cấp Xã
118.	17.	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thể dục thể thao	Cấp Xã
119.	18.	1.000847	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Thể dục thể thao	Cấp Xã
120.	19.	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thể dục thể thao	Cấp Xã
121.	20.	1.000920	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Thể dục thể thao	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
122.	21.	1.000953	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Thể dục thể thao	Cấp Xã
123.	22.	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thể dục thể thao	Cấp Xã
124.	23.	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thể dục thể thao	Cấp Xã
125.	24.	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục thể thao	Cấp Xã
126.	25.	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục thể thao	Cấp Xã
127.	26.	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã
128.	27.	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã
129.	28.	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã
130.	29.	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã
131.	30.	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã
132.	31.	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	Cấp Xã

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	
SỞ Y TẾ (14 TTHC)					
133.	1.	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã
134.	2.	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã
135.	3.	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã
136.	4.	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã
137.	5.	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã
138.	6.	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã
139.	7.	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	Cấp Xã
140.	8.	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y Dược cổ truyền	Cấp Xã
141.	9.	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Cấp xã
142.	10.	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Phòng bệnh	Cấp xã
143.	11.	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
144.	12.	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	Cấp Xã
145.	13.	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	Cấp Xã
146.	14.	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	Cấp Xã
NỘI VỤ (17 TTHC)					
147.	1.	1.013724	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Việc làm	Cấp Xã
148.	2.	1.013715	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
149.	3.	1.013714	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
150.	4.	1.013711	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
151.	5.	1.013710	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
152.	6.	1.013709	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
153.	7.	1.013707	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
154.	8.	1.013704	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
155.	9.	1.013712	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
156.	10.	1.013703	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
157.	11.	1.013717	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
158.	12.	1.013716	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
159.	13.	1.013706	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
160.	14.	1.013702	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
161.	15.	1.013725	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	Việc làm	Cấp Xã
162.	16.	1.013713	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
163.	17.	1.013708	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Xã
DÂN TỘC-TÔN GIÁO (03 TTHC)					
164.	1.	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Cấp Xã
165.	2.	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Công tác dân tộc	Cấp Xã
166.	3.	1.012222	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc	Cấp Xã

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	
		TÀI CHÍNH (36)			
167.	1.	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Xã
168.	2.	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Xã
169.	3.	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
170.	4.	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
171.	5.	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
172.	6.	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
173.	7.	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
174.	8.	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
175.	9.	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
176.	10.	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
177.	11.	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
178.	12.	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
179.	13.	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
180.	14.	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
181.	15.	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
182.	16.	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
183.	17.	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
184.	18.	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
185.	19.	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
186.	20.	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
187.	21.	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
188.	22.	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
189.	23.	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
190.	24.	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
191.	25.	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
192.	26.	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
193.	27.	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
194.	28.	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
195.	29.	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã
196.	30.	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Xã
197.	31.	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Xã
198.	32.	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Xã
199.	33.	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Xã
200.	34.	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Xã
201.	35.	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Xã
202.	36.	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Xã

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
		NÔNG NGHIỆP-MÔI TRƯỜNG (37)		
203.	1.	1.012837	Chăn nuôi	Cấp Xã
		Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		
204.	2.	1.012836	Chăn nuôi	Cấp Xã
		Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)		
205.	3.	1.014275	Đất đai	Cấp Xã
		Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.		
206.	4.	1.013979	Đất đai	Cấp Xã
		Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		
207.	5.	1.013978	Đất đai	Cấp Xã
		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		
208.	6.	1.013953	Đất đai	Cấp Xã
		Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa		

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
209.	7.	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai	Cấp Xã
210.	8.	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	Cấp Xã
211.	9.	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai	Cấp Xã
212.	10.	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai	Cấp Xã
213.	11.	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
214.	12.	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	Cấp Xã
215.	13.	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	Cấp Xã
216.	14.	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	Cấp Xã
217.	15.	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	Cấp Xã
218.	16.	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	Cấp Xã
219.	17.	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Xã
220.	18.	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản	Cấp Xã
221.	19.	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo	Cấp Xã
222.	20.	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
223.	21.	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	Cấp Xã
224.	22.	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	Cấp Xã
225.	23.	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giảm nghèo	Cấp Xã
226.	24.	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm	Cấp Xã
227.	25.	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm	Cấp Xã
228.	26.	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp Xã
229.	27.	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp	Cấp Xã
230.	28.	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lâm nghiệp	Cấp Xã
231.	29.	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp	Cấp Xã
232.	30.	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp	Cấp Xã

STT		Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện
233.	31.	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp	Cấp Xã
234.	32.	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	Lâm nghiệp	Cấp Xã
235.	33.	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	Cấp Xã
236.	34.	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	Cấp Xã
237.	35.	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	Thủy lợi	Cấp Xã
238.	36.	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	Cấp Xã
239.	37.	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	Cấp Xã
CÔNG THƯƠNG (10 TTHC)					
240.	1.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	Cấp xã
241.	2.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	Cấp xã

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	
242.	3.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	Cấp xã
243.	4.	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cấp xã
244.	5.	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Công nghiệp địa phương	Cấp xã
245.	6.	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý	Cấp xã
246.	7.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG	Kinh doanh Khí	Cấp xã
247.	8.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG	Kinh doanh Khí	Cấp xã
248.	9.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG	Kinh doanh Khí	Cấp xã
249.	10.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ.	Phát triển và quản lý chợ	Cấp xã

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn